

CÔNG TY CỔ PHẦN LILAMA THÍ NGHIỆM CƠ ĐIỆN

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2011 đến ngày 30/06/2011
đã được soát xét

NỘI DUNG

	Trang
Báo cáo của Ban Giám đốc	2-4
Báo cáo soát xét	5
Báo cáo Tài chính đã được soát xét	
Bảng cân đối kế toán	6-8
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	9
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	10
Thuyết minh Báo cáo tài chính	11- 24



Công ty cổ phần Lilama - Thí nghiệm cơ điện
Địa chỉ: Số 434-436 Đường Nguyễn Trãi - Từ Liêm - Hà Nội

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty cổ phần Lilama - Thí nghiệm cơ điện (sau đây gọi tắt là "Công ty") trình bày Báo cáo của mình và Báo cáo tài chính của Công ty cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2011 đến ngày 30/06/2011.

CÔNG TY

Công ty Cổ phần Lilama - Thí nghiệm Cơ điện là Công ty được thành lập từ việc cổ phần hoá Công ty Lắp máy và Thí nghiệm Cơ điện thuộc Tổng Công ty Lắp máy Việt Nam theo Quyết định số 54/QĐ – BXD ngày 08 tháng 01 năm 2004 của Bộ Xây dựng. Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh Công ty Cổ phần lần đầu số 0103003803 ngày 05 tháng 03 năm 2004 và Giấy đăng ký kinh doanh thay đổi lần 03, ngày 13 tháng 03 năm 2008 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp.

Nghành nghề kinh doanh của Công ty:

- Xây dựng các công trình công nghiệp, đường dây tải điện, trạm biến thế, lắp đặt thiết bị máy cho các công trình;
- Sản xuất phụ tùng cầu kiện kim loại, phụ kiện phi tiêu chuẩn cho xây dựng, sản xuất vật liệu xây dựng: gạch lát, tấm lợp, đá ốp lát, đất đèn, ô xy, que hàn, kinh doanh vật tư thiết bị, vật liệu xây dựng;
- Lắp đặt các thiết bị công nghệ tự động, công nghệ môi trường, xử lý nước sinh hoạt, hệ thống điều khiển, các thiết bị đo lường, thiết bị dự phòng chống sét cho các thiết bị điện;
- Thiết kế dây chuyền sản xuất vật liệu xây dựng, giấy và chế biến lương thực, thực phẩm;
- Lắp đặt điện nước, thiết bị thông gió, điều hoà không khí;
- Cung cấp, lắp đặt bảo trì các loại thang máy và hệ thống phòng chống cháy;
- Thí nghiệm, kiểm tra, hiệu chỉnh hệ thống thiết bị điện đo lường, điều khiển tự động, hệ thống truyền tải tới 500KV;
- Thí nghiệm kiểm tra cơ nhiệt, chạy thử các dây truyền công nghệ cho các nhà máy công nghiệp;
- Kiểm tra không phá huỷ (NTD) bằng các phương pháp chụp phóng xạ, siêu âm, thử mẫu, từ tính và kiểm tra chân không;
- Kiểm tra xử lý gia nhiệt các mối hàn kim loại.

Trụ sở chính của Công ty: Số 434-436 đường Nguyễn Trãi - xã Trung Văn – huyện Từ Liêm - Thành phố Hà Nội.

Vốn điều lệ của Công ty theo giấy phép đăng ký kinh doanh là 13.500.000.000 đồng.

Cơ cấu vốn điều lệ:

TT	Cổ đông	Vốn góp	Tỷ lệ
1	Cổ đông Nhà nước	6.999.750.000	51,85%
2	Cổ đông ngoài	6.500.250.000	48,15%
	Cộng	13.500.000.000	100%

Công ty cổ phần Lilama - Thí nghiệm cơ điện
Địa chỉ: Số 434-436 Đường Nguyễn Trãi - Từ Liêm - Hà Nội

CÁC SỰ KIỆN PHÁT SINH TRONG KỲ ẢNH HƯỞNG ĐẾN BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày lập Báo cáo tài chính đòi hỏi được điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo tài chính

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN GIÁM ĐỐC

Các thành viên của Hội đồng Quản trị bao gồm:

Ông Hoàng Minh Phương	Chủ tịch Hội đồng quản trị
Ông Nguyễn Văn Hùng	Thành viên
Bà Vũ Thị Thuý Giang	Thành viên
Ông Trần Văn Hưng	Thành viên
Ông Nguyễn Mạnh Đoàn	Thành viên

Các thành viên của Ban Giám đốc bao gồm:

Ông Hoàng Minh Phương	Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Văn Hùng	Phó Tổng Giám đốc
Ông Hoàng Văn Lít	Phó Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Mạnh Đoàn	Phó Tổng Giám đốc

Các thành viên Ban kiểm soát bao gồm:

Ông Nguyễn Mạnh Hường	Trưởng Ban kiểm soát
Ông Lê Tuấn Anh	Thành viên
Ông Lương Văn Khải	Thành viên

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty TNHH Tư vấn Kế toán và Kiểm toán Việt Nam (AVA) là đơn vị đủ điều kiện kiểm toán các doanh nghiệp niêm yết trên thị trường chứng khoán theo quy định của Ủy ban chứng khoán Nhà nước và Bộ Tài chính đã thực hiện soát xét Báo cáo tài chính cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2011 đến ngày 30/06/2011 của Công ty Cổ phần Lilama – Thí nghiệm Cơ điện.

CÔNG BỐ TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2011 đến 30/6/2011. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính, Ban Giám đốc Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;

Công ty cổ phần Lilama - Thí nghiệm cơ điện

Địa chỉ: Số 434-436 Đường Nguyễn Trãi - Từ Liêm - Hà Nội

- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán được áp dụng có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu đến mức cần phải công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hay không;
- Lập và trình bày các báo cáo tài chính trên cơ sở tuân thủ các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán và các quy định có liên quan hiện hành;
- Lập các báo cáo tài chính dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Giám đốc Công ty đảm bảo rằng các sổ kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước.

Ban Giám đốc Công ty cũng cam kết về tính đầy đủ, hiện hữu và giá trị của các khoản công nợ phải thu, phải trả và tài sản của Công ty tại thời điểm 30 tháng 6 năm 2011.

Ban Giám đốc Công ty cam kết rằng Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 30 tháng 6 năm 2011, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2011 đến 30/6/2011, phù hợp với chuẩn mực, chế độ kế toán Việt Nam và tuân thủ các quy định hiện hành có liên quan.

Hà Nội, ngày 06 tháng 7 năm 2011

Thay mặt HĐQT

Chữ ký HĐQT kiêm Tổng Giám đốc



Hoàng Minh Phương

Số: *123*/BCKT/TC

BÁO CÁO KẾT QUẢ CÔNG TÁC SOÁT XÉT

*Về Báo cáo Tài chính cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2011 đến ngày 30/06/2011
của Công ty cổ phần Lilama - Thí nghiệm Cơ điện*

**Kính gửi: Các cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc
Công ty cổ phần Lilama - Thí nghiệm Cơ điện**

Chúng tôi đã thực hiện công tác soát xét Báo cáo tài chính của Công ty cổ phần Lilama - Thí nghiệm Cơ điện được lập ngày 05/7/2011 gồm: Bảng cân đối kế toán tại ngày 30/6/2011, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và Thuyết minh báo cáo tài chính cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2011 đến ngày 30/06/2011 được trình bày từ trang 6 đến trang 24 kèm theo.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc Công ty được ghi nhận tại trang 2,3 và 4 của Báo cáo này. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra Báo cáo nhận xét về báo cáo tài chính này trên cơ sở công tác soát xét của chúng tôi.

Chúng tôi đã thực hiện công tác soát xét Báo cáo tài chính theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam về công tác soát xét. Các chuẩn mực này yêu cầu công việc soát xét phải lập kế hoạch và thực hiện để có sự đảm bảo vừa phải rằng các báo cáo tài chính không còn chứa đựng các sai sót trọng yếu. Công tác soát xét bao gồm chủ yếu là việc trao đổi với nhân sự của Công ty và áp dụng thủ tục phân tích những thông tin tài chính; công tác này cung cấp một mức độ đảm bảo thấp hơn công tác kiểm toán. Chúng tôi không thực hiện công việc kiểm toán nên cũng không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Trên cơ sở công tác soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có sự kiện nào để chúng tôi cho rằng Báo cáo tài chính kèm theo đây không phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Lilama - Thí nghiệm Cơ điện tại ngày 30/6/2011, cũng như kết quả kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ trong kỳ kế toán từ ngày 01/01/2011 đến 30/6/2011, phù hợp với chuẩn mực và chế độ kế toán Việt Nam hiện hành và các nguyên tắc kế toán chung được Việt Nam chấp thuận.

**CÔNG TY TNHH TƯ VẤN KẾ TOÁN
VÀ KIỂM TOÁN VIỆT NAM (AVA)**

Phó Giám đốc



Ths. Nguyễn Bảo Trung
Chứng chỉ KTV số: 0373KTV

Hà Nội, ngày 15 tháng 07 năm 2011

Kiểm toán viên



Bùi Thiện Tá
Chứng chỉ KTV số: 0592/KTV

CÔNG TY CỔ PHẦN LILAMA - THÍ NGHIỆM CƠ ĐIỆN

Địa chỉ: 434-436 Nguyễn Trãi - Trung Văn - Từ Liêm- Hà Nội

Báo cáo tài chính

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2011 đến 30/6/2011

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2011

Đơn vị tính: đồng

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	30/06/2011	01/01/2011
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		21.745.736.236	24.337.598.299
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110		884.401.919	140.500.518
1. Tiền	111	V.01	884.401.919	140.500.518
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120			
III. Các khoản phải thu	130		8.960.060.875	16.252.655.016
1. Phải thu của khách hàng	131		8.274.526.877	15.764.290.702
2. Trả trước cho người bán	132		466.831.356	277.005.456
5. Các khoản phải thu khác	138	V.02	288.702.642	281.358.858
6. Dự phòng các khoản phải thu khó đòi (*)	139		-70.000.000	-70.000.000
IV. Hàng tồn kho	140		8.707.930.704	6.508.280.525
1. Hàng tồn kho	141	V.03	8.711.446.704	6.511.796.525
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho (*)	149		-3.516.000	-3.516.000
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		3.193.342.738	1.436.162.240
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		74.277.422	-
4. Tài sản ngắn hạn khác	158		3.119.065.316	1.436.162.240
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		23.360.068.846	25.071.018.335
I. Các khoản phải thu dài hạn	210			
II. Tài sản cố định	220		22.943.087.452	24.648.710.702
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.04	5.521.447.907	6.552.539.715
- Nguyên giá	222		18.071.445.521	18.203.111.094
- Giá trị hao mòn lũy kế(*)	223		-12.549.997.614	-11.650.571.379
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224	V.05	1.154.013.168	1.828.544.610
- Nguyên giá	225		5.396.251.583	5.396.251.583
- Giá trị hao mòn lũy kế(*)	226		-4.242.238.415	-3.567.706.973
3. Tài sản cố định vô hình	227	V.06	16.267.626.377	16.267.626.377
- Nguyên giá	228		16.267.626.377	16.267.626.377
- Giá trị hao mòn lũy kế(*)	229			
4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230			
III. Bất động sản đầu tư	240			
IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250			
V. Tài sản dài hạn khác	260		416.981.394	422.307.633
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.07	16.981.394	22.307.633
3. Tài sản dài hạn khác	268		400.000.000	400.000.000
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		45.105.805.082	49.408.616.634

CÔNG TY CỔ PHẦN LILAMA - THÍ NGHIỆM CƠ ĐIỆN

Địa chỉ: 434-436 Nguyễn Trãi - Trung Văn - Từ Liêm- Hà Nội

Báo cáo tài chính

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2011 đến 30/6/2011

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2011

(Tiếp theo)

Đơn vị tính: đồng

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	30/06/2011	01/01/2011
A. NỢ PHẢI TRẢ	300		25.145.779.141	28.547.472.696
I. Nợ ngắn hạn	310		24.273.922.792	25.055.780.347
1. Vay và nợ ngắn hạn	311	V.08	10.574.471.672	15.487.105.044
2. Phải trả người bán	312		1.603.577.593	1.872.213.443
3. Người mua trả tiền trước	313		3.935.309.769	34.566.423
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	V.09	259.115.339	758.035.627
5. Phải trả công nhân viên	315		1.483.878.125	1.825.468.098
6. Chi phí phải trả	316		24.489.616	-
7. Phải trả nội bộ	317		-	-
8. Phải trả theo kế hoạch tiến độ HĐXD	318		-	-
9. Các khoản phải trả, phải nộp khác	319	V.10	6.393.080.678	5.078.391.712
10. Dự phòng phải trả ngắn hạn	320		-	-
11. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323		-	-
II. Nợ dài hạn	330		871.856.349	3.491.692.349
1. Phải trả dài hạn người bán	331		-	-
2. Phải trả dài hạn nội bộ	332		-	-
3. Phải trả dài hạn khác	333		-	-
4. Vay và nợ dài hạn	334	V.11	536.234.072	3.156.070.072
5. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	335		-	-
6. Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336		335.622.277	335.622.277
7. Dự phòng phải trả dài hạn	337		-	-
8. Doanh thu chưa thực hiện	338		-	-
9. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	339		-	-
B. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		19.960.025.941	20.861.143.938
I. Vốn chủ sở hữu	410	V.12	19.960.025.941	20.861.143.938
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		13.500.000.000	13.500.000.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		1.165.180.000	1.165.180.000
3. Vốn khác của chủ sở hữu	413		-	-
4. Cổ phiếu ngân quỹ	414		-	-
5. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	415		-	-
6. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	416		-	-
7. Quỹ đầu tư phát triển	417		2.834.011.960	2.335.613.984
8. Quỹ dự phòng tài chính	418		401.740.030	277.140.536
10. Lợi nhuận chưa phân phối	420		2.059.093.951	3.583.209.418
11. Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản	421		-	-
II. Nguồn kinh phí và các quỹ khác	430		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		45.105.805.082	49.408.616.634

CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2011

CHỈ TIÊU	Thuyết minh	30/06/2011	01/01/2011
1. Tài sản thuê ngoài			
2. Vật tư, hàng hóa nhận giữ hộ, nhận gia công			
3. Hàng hóa nhận bán hộ, nhận ký gửi			
4. Nợ khó đòi đã xử lý		946.580.477	946.580.477
5. Ngoại tệ các loại (USD)		1.587,54	1.593,61
6. Dự toán chi hoạt động			

Ghi chú: Các chỉ tiêu có số liệu âm được ghi trong ngoặc đơn ()

Người lập biểu



Lê Tuấn Anh

Kế toán trưởng



Vũ Thị Thúy Giang

TP Hà Nội, ngày 05 tháng 7 năm 2011



Hoàng Minh Phương

ON
NH
AN
K
LI
EM
ET
A

BÁO CÁO**KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH GIỮA NIÊN ĐỘ**

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2011 đến 30/6/2011

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Đơn vị tính: đồng	
			Từ 1/1/2011 đến 30/06/2011	Từ 1/1/2010 đến 30/06/2010
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	1	VL.13	19.277.984.745	15.537.470.174
2. Các khoản giảm trừ	2			
3. Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ	10	VL.14	19.277.984.745	15.537.470.174
4. Giá vốn hàng bán	11	VL.15	14.107.789.311	10.800.478.863
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		5.170.195.434	4.736.991.311
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VL.16	22.071.986	35.164.678
7. Chi phí tài chính	22	VL.17	1.223.892.312	1.132.914.887
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		1.223.892.312	1.132.914.887
8. Chi phí bán hàng	24			
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		2.654.486.650	2.706.992.892
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		1.313.888.458	932.248.210
11. Thu nhập khác	31			
12. Chi phí khác	32		17.335.352	
13. Lợi nhuận khác	40		(17.335.352)	
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		1.296.553.106	932.248.210
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	VL.18	328.472.115	233.062.053
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	51			
17. Lợi nhuận sau thuế TNDN	60		968.080.991	699.186.157
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70		717	518

Người lập biểu

Lê Tuấn Anh

Kế toán trưởng

Vũ Thị Thúy Giang

TP. Hà Nội, ngày 05 tháng 7 năm 2011



Tổng Giám đốc

Hoàng Minh Phương

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
Theo phương pháp trực tiếp
Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2011 đến 30/6/2011

Đơn vị tính: đồng

CHỈ TIÊU	Mã số	Từ ngày 01/01/2011 đến 30/6/2011	Từ ngày 01/01/2010 đến 30/6/2010
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh			
1. Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	01	32.596.290.392	25.436.771.671
2. Tiền chi trả người cung cấp hàng hóa và dịch vụ	02	-9.299.850.919	-13.875.521.714
3. Tiền chi trả cho người lao động	03	-8.897.021.678	-4.616.023.728
4. Tiền chi trả lãi vay	04	-1.199.402.696	-1.147.639.013
5. Tiền chi nộp thuế thu nhập doanh nghiệp	05	-330.085.861	
6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06	117.564.023	378.855.429
7. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	07	-3.412.036.174	-3.339.656.623
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	9.575.457.087	2.836.786.022
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư			
1. Tiền chi để mua sắm, XD TSCĐ và các TSDH khác	21	-20.735.000	-30.600.000
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các TS dài hạn khác	22		
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	22.071.986	14.687.747
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	1.336.986	-15.912.253
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính			
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31		
2. Tiền chi trả vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		
3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33	10.731.967.328	5.971.165.087
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34	-17.580.548.508	-7.623.950.607
5. Tiền chi trả nợ thuê tài chính	35	-683.888.192	-508.592.128
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	-1.300.423.300	-1.535.322.647
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	-8.832.892.672	(3.696.700.295)
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	50	743.901.401	(875.826.526)
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60	140.500.518	977.170.449
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	70	884.401.919	101.343.923

Người lập biểu



Lê Tuấn Anh

Kế toán trưởng



Vũ Thị Thúy Giang

TP. Hà Nội, ngày 05 tháng 7 năm 2011

Tổng Giám đốc




Hoàng Minh Phương

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2011 đến 30/6/2011

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG DOANH NGHIỆP

1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Lilama - Thí nghiệm Cơ điện là Công ty được thành lập từ việc cổ phần hoá Công ty Lắp máy và Thí nghiệm Cơ điện thuộc Tổng Công ty Lắp máy Việt Nam theo Quyết định số 54/QĐ – BXD ngày 08 tháng 01 năm 2004 của Bộ Xây dựng. Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh Công ty Cổ phần lần đầu số 0103003803 ngày 05 tháng 03 năm 2004 và Giấy đăng ký kinh doanh thay đổi lần 3 ngày 13 tháng 03 năm 2008 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp.

2. Lĩnh vực kinh doanh và Ngành nghề kinh doanh

- Xây dựng các công trình công nghiệp, đường dây tải điện, trạm biến thế, lắp đặt thiết bị máy cho các công trình;
- Sản xuất phụ tùng cấu kiện kim loại, phụ kiện phi tiêu chuẩn cho xây dựng, sản xuất vật liệu xây dựng: gạch lát, tấm lợp, đá ốp lát, đất đèn, ô xy, que hàn, kinh doanh vật tư thiết bị, vật liệu xây dựng;
- Lắp đặt các thiết bị công nghệ tự động, công nghệ môi trường, xử lý nước sinh hoạt, hệ thống điều khiển, các thiết bị đo lường, thiết bị dự phòng chống sét cho các thiết bị điện;
- Thiết kế dây chuyền sản xuất vật liệu xây dựng, giấy và chế biến lương thực, thực phẩm;
- Lắp đặt điện nước, thiết bị thông gió, điều hoà không khí;
- Cung cấp, lắp đặt bảo trì các loại thang máy và hệ thống phòng chống cháy ;
- Thí nghiệm, kiểm tra, hiệu chỉnh hệ thống thiết bị điện đo lường, điều khiển tự động, hệ thống truyền tải tới 500KV;
- Thí nghiệm kiểm tra cơ nhiệt, chạy thử các dây truyền công nghệ cho các nhà máy công nghiệp;
- Kiểm tra không phá huỷ (NTD) bằng các phương pháp chụp phóng xạ, siêu âm, thử mẫu, từ tính và kiểm tra chân không;
- Kiểm tra xử lý gia nhiệt các mối hàn kim loại.

II. KỲ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. Kỳ kế toán hàng năm của Công ty bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.
2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (VND)

III. Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

1. Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán doanh nghiệp ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/3/2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính và Thông tư số 244/2009/TT- BTC ngày 31/12/2009 của Bộ Tài chính về việc hướng dẫn sửa đổi, bổ sung chế độ kế toán Doanh nghiệp.

2. Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và Chế độ kế toán hiện hành đang áp dụng.

3. Hình thức sổ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng hình thức sổ kế toán: Nhật ký chung

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền và các khoản tương đương tiền

Các nghiệp vụ kinh tế phát sinh bằng ngoại tệ được quy đổi ra đồng Việt Nam theo tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm phát sinh nghiệp vụ. Tại thời điểm cuối năm các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được quy đổi theo tỷ giá bình quân liên ngân hàng do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam công bố vào ngày kết thúc niên độ kế toán;

Chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong kỳ và chênh lệch đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ tại thời điểm cuối năm được kết chuyển vào doanh thu hoặc chi phí tài chính trong năm tài chính;

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn không quá 03 tháng có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành tiền và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền kể từ ngày mua khoản đầu tư đó tại thời điểm báo cáo..

2. Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho

Hàng tồn kho được tính theo giá gốc. Trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn giá gốc thì phải tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá trị hàng tồn kho được xác định theo phương pháp thực tế đích danh.

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

3. Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao tài sản cố định

Tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Khấu hao được trích theo phương pháp đường thẳng. Thời gian khấu hao được ước tính theo thông tư 203-2009/TT/BTC ngày 20/10/2009.

Tài sản cố định vô hình là quyền sử dụng đất không xác định thời hạn tại 434 và 436 đường Nguyễn Trãi – xã Trung Văn – huyện Từ Liêm – thành phố Hà Nội.

4. Nguyên tắc ghi nhận và vốn hoá các khoản chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ khi phát sinh, trừ chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hoá) khi có đủ các điều kiện quy định trong Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 16 "Chi phí đi vay".

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hoá), bao gồm các khoản lãi tiền vay, phân bổ các khoản chiết khấu hoặc phụ trội khi phát hành trái phiếu, các khoản chi phí phụ phát sinh liên quan tới quá trình làm thủ tục vay.

5. Nguyên tắc ghi nhận và vốn hóa các khoản chi phí khác

Các chi phí trả trước chi liên quan đến chi phí sản xuất kinh doanh năm tài chính hiện tại được ghi nhận là chi phí trả trước ngắn hạn và được tính vào chi phí sản xuất kinh doanh trong năm tài chính.

Các chi phí sau đây đã phát sinh trong năm tài chính nhưng được hạch toán vào chi phí trả trước dài hạn để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh trong nhiều năm:

- Công cụ dụng cụ xuất dùng có giá trị lớn;

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng kỳ hạch toán được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý. Chi phí trả trước được phân bổ dần vào chi phí sản xuất kinh doanh theo phương pháp đường thẳng.

6. Nguyên tắc ghi nhận chi phí phải trả

Các khoản chi phí thực tế chưa phát sinh nhưng được trích trước vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ để đảm bảo khi chi phí phát sinh thực tế không gây đột biến cho chi phí sản xuất kinh doanh trên cơ sở đảm bảo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí. Khi các chi phí đó phát sinh, nếu có chênh lệch với số đã trích, kế toán tiến hành ghi bổ sung hoặc ghi giảm chi phí tương ứng với phần chênh lệch.

7. Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Vốn khác của chủ sở hữu được ghi theo giá trị còn lại giữa giá trị hợp lý của các tài sản mà doanh nghiệp được các tổ chức, cá nhân khác tặng, biếu sau khi trừ (-) các khoản thuế phải nộp (nếu có) liên quan đến các tài sản được tặng, biếu này; và khoản bổ sung từ kết quả hoạt động kinh doanh.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối là số lợi nhuận từ các hoạt động của doanh nghiệp sau khi trừ (-) các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các năm trước.

Chênh lệch tỷ giá hối đoái được ghi nhận căn cứ theo Chuẩn mực số 10 - Ảnh hưởng của việc thay đổi tỷ giá hối đoái.

8. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu

Doanh thu hoạt động xây dựng

Doanh thu hợp đồng xây dựng được xác định theo giá trị khối lượng hoàn thành đã được nghiệm thu.

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng;

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp việc cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng Cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó;

Phần công việc cung cấp dịch vụ đã hoàn thành được xác định theo phương pháp đánh giá công việc hoàn thành.

Doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (2) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

Cổ tức, lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn.

9. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí tài chính

Các khoản chi phí được ghi nhận vào chi phí tài chính gồm:

- Chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính;

- Chi phí cho vay và đi vay vốn;
- Các khoản lỗ do thay đổi tỷ giá hối đoái của các nghiệp vụ phát sinh liên quan đến ngoại tệ;
- Dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán.

Các khoản trên được ghi nhận theo tổng số phát sinh trong kỳ, không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính.

10. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành, chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế và thuế suất thuế TNDN trong năm hiện hành.

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xác định trên cơ sở số chênh lệch tạm thời được khấu trừ, số chênh lệch tạm thời chịu thuế và thuế suất thuế TNDN.

21/22
CỘNG
HÒA
XÃ HỘI
CHỦ NGHĨA
LIÊN
HỢP
CỘNG
HÒA
VIỆT
NAM

CÔNG TY CỔ PHẦN LILAMA - THÍ NGHIỆM CƠ ĐIỆN

Địa chỉ: 434-436 Nguyễn Trãi - Trung Văn - Từ Liêm- Hà Nội

Báo cáo tài chính

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2011 đến 30/6/2011

V. Thông tin bổ sung cho các khoản trình bày trong Bảng cân đối kế toán

	30/06/2011	01/01/2011
1 . TIỀN	đồng	đồng
Tiền mặt tại quỹ	7.011.439	147.418
Tiền gửi ngân hàng	877.390.480	140.353.100
Cộng	884.401.919	140.500.518
2 . CÁC KHOẢN PHẢI THU NGẮN HẠN KHÁC	30/06/2011	01/01/2011
	đồng	đồng
Phải thu khác	288.702.642	281.358.858
+ Phải thu khác	288.702.642	281.358.858
Cộng	288.702.642	281.358.858
3 . HÀNG TỒN KHO	30/06/2011	01/01/2011
	đồng	đồng
Nguyên liệu, vật liệu	339.168.331	295.998.691
Công cụ, dụng cụ	61.785.688	53.982.040
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	8.310.492.685	6.161.815.794
Cộng	8.711.446.704	6.511.796.525
4 . TĂNG, GIẢM TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH		
<i>Chi tiết tại phụ lục số 01</i>		
5 . TĂNG GIẢM TÀI SẢN CỐ ĐỊNH THUÊ TÀI CHÍNH		<i>Đơn vị tính: đồng</i>
Khoản mục	Máy móc thiết bị	Cộng
Nguyên giá TSCĐ		
Số dư đầu kỳ	5.396.251.583	5.396.251.583
Số tăng trong kỳ	-	-
Số giảm trong kỳ	-	-
Số dư cuối kỳ	5.396.251.583	5.396.251.583
Giá trị hao mòn lũy kế		
Số dư đầu kỳ	3.567.706.973	3.567.706.973
Số tăng trong kỳ	674.531.442	674.531.442
- Khấu hao trong kỳ	674.531.442	674.531.442
Số giảm trong kỳ	-	-
Số dư cuối kỳ	4.242.238.415	4.242.238.415
Giá trị còn lại		
Tại ngày đầu kỳ	1.828.544.610	1.828.544.610
Tại ngày cuối kỳ	1.154.013.168	1.154.013.168

CÔNG TY CỔ PHẦN LILAMA - THÍ NGHIỆM CƠ ĐIỆN

Địa chỉ: 434-436 Nguyễn Trãi - Trung Văn - Từ Liêm- Hà Nội

Báo cáo tài chính

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2011 đến 30/6/2011

6 . TĂNG, GIẢM TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH

Đơn vị tính: đồng

<u>Khoản mục</u>	<u>Quyền sử dụng đất (*)</u>	<u>Cộng</u>
Nguyên giá		
Số dư đầu kỳ	16.267.626.377	16.267.626.377
Số tăng trong kỳ	-	-
Số giảm trong kỳ	-	-
Số dư cuối kỳ	16.267.626.377	16.267.626.377
Giá trị hao mòn lũy kế		
Số dư đầu kỳ		-
Số tăng trong kỳ	-	-
Giảm trong kỳ	-	-
Số cuối kỳ	-	-
Giá trị còn lại		
Tại ngày đầu kỳ	16.267.626.377	16.267.626.377
Tại ngày cuối kỳ	16.267.626.377	16.267.626.377

(*) Giá trị quyền sử dụng đất lâu dài tại 434 và 436 đường Nguyễn Trãi - xã Trung Văn - huyện Từ Liêm - TP Hà Nội, theo hai Hợp đồng mua bán nhà và chuyển quyền sử dụng đất ngày 31/12/2007 với tổng diện tích là: 341,2 m2.

7 . CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC DÀI HẠN

	30/06/2011	01/01/2011
	đồng	đồng
Chi phí công cụ dụng cụ chờ phân bổ	7.313.419	8.971.682
Chi phí dịch vụ internet	3.000.000	
Chi phí bảo hiểm tài sản thuê tài chính	6.667.975	13.335.951
Cộng	16.981.394	22.307.633

8 . VAY VÀ NỢ NGẮN HẠN

	30/06/2011	01/01/2011
	đồng	đồng
Vay ngắn hạn	10.241.175.608	14.469.920.788
+ Ngân hàng Nông nghiệp và PTNT CN Hà Thành	1.476.760.807	5.232.433.134
+ Ngân hàng Nông nghiệp và PTNT Tràng An	8.764.414.801	9.237.487.654
Nợ dài hạn đến hạn trả	333.296.064	1.017.184.256
+ Công ty cho thuê tài chính - NH Công thương Việt Nam	333.296.064	1.017.184.256
Cộng	10.574.471.672	15.487.105.044

Các khoản vay ngắn hạn Ngân hàng gồm có vay của Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn chi nhánh Hà Thành, và Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn chi nhánh Tràng An dưới hình thức hợp đồng hạn mức tín dụng với thời gian tối đa là 12 tháng. Các khoản vay được đảm bảo bằng tài sản thế chấp của các Công ty và giá trị khối lượng các công trình.

9 . THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỢ NHÀ NƯỚC

	30/06/2011	01/01/2011
	đồng	đồng
Thuế giá trị gia tăng	-	497.306.542

CÔNG TY CỔ PHẦN LILAMA - THÍ NGHIỆM CƠ ĐIỆN

Địa chỉ: 434-436 Nguyễn Trãi - Trung Văn - Từ Liêm- Hà Nội

Báo cáo tài chính

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2011 đến 30/6/2011

Thuế thu nhập doanh nghiệp	259.115.339	260.729.085
Cộng	259.115.339	758.035.627

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các qui định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

10 . CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ, PHẢI NỢ NGẮN HẠN KHÁC

	30/06/2011	01/01/2011
	đồng	đồng
Kinh phí công đoàn	91.084.916	88.103.321
Bảo hiểm xã hội	364.618.668	623.784.463
Bảo hiểm thất nghiệp	-	30.064.028
Các khoản phải trả, phải nộp khác	5.937.377.094	4.336.439.900
- Dư có TK 3388	406.631.970	69.966.270
+ Tiền cổ tức phải trả	334.145.970	14.569.270
+ Phải trả khác	72.486.000	55.397.000
- Dư có TK 1388 và TK 141	5.530.745.124	4.266.473.630
Cộng	6.393.080.678	5.078.391.712

11 . VAY DÀI HẠN VÀ NỢ DÀI HẠN

	30/06/2011	01/01/2011
	đồng	đồng
Vay dài hạn	-	2.619.836.000
Tổng Công ty Lắp máy Việt Nam		2.619.836.000
Nợ dài hạn	536.234.072	536.234.072
Thuê tài chính	536.234.072	536.234.072
Cộng	536.234.072	3.156.070.072

12 VỐN CHỦ SỞ HỮU**12.1. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu**

Xem phụ lục số 02

12.2. Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

	30/06/2011	01/01/2011
	đồng	đồng
Vốn góp của Nhà nước	6.999.750.000	6.999.750.000
Vốn góp của Cổ đông khác	6.500.250.000	6.500.250.000
Cộng	13.500.000.000	13.500.000.000

12.3. Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu

	30/06/2011	01/01/2011
	đồng	đồng
và phân phối cổ tức, lợi nhuận.		
- Vốn đầu tư của chủ sở hữu	-	-
+ Vốn góp đầu năm	13.500.000.000	13.500.000.000
+ Vốn góp tăng trong năm	-	-

CÔNG TY CỔ PHẦN LILAMA - THÍ NGHIỆM CƠ ĐIỆN**Báo cáo tài chính**

Địa chỉ: 434-436 Nguyễn Trãi - Trung Văn - Từ Liêm- Hà Nội

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2011 đến 30/6/2011

+ Vốn góp giảm trong năm	-	
+ Vốn góp cuối năm	13.500.000.000	13.500.000.000

12.3. Cổ phiếu

	30/06/2011	01/01/2011
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành		
Số lượng cổ phiếu đã được phát hành và đã góp đủ	1.350.000	1.350.000
- Cổ phiếu phổ thông	1.350.000	1.350.000
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	1.350.000	1.350.000
- Cổ phiếu phổ thông	1.350.000	1.350.000
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành	10.000	10.000

12.4. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

	30/06/2011	30/06/2010
	đồng	đồng
+ Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	968.080.991	699.186.157
+ Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ	1.350.000	1.350.000
+ Lãi cơ bản trên cổ phiếu	717	518

VI. Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trong Báo cáo kết quả kinh doanh**13 . TỔNG DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ**

	Từ ngày 01/01/2011 đến 30/6/2011	Từ ngày 01/01/2010 đến 30/6/2010
	đồng	đồng
Doanh thu bán hàng	-	-
Doanh thu của hợp đồng xây dựng	19.277.984.745	15.537.470.174
Doanh thu cung cấp dịch vụ	-	-
Cộng	19.277.984.745	15.537.470.174

14 . DOANH THU THUẬN VỀ BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	Từ ngày 01/01/2011 đến 30/6/2011	Từ ngày 01/01/2010 đến 30/6/2010
	đồng	đồng
Doanh thu thuần sản phẩm, hàng hóa	-	-
Doanh thu thuần hợp đồng xây dựng	19.277.984.745	15.537.470.174
Doanh thu thuần dịch vụ	-	-
Cộng	19.277.984.745	15.537.470.174

15 . GIÁ VỐN HÀNG BÁN

	Từ ngày 01/01/2011 đến 30/6/2011	Từ ngày 01/01/2010 đến 30/6/2010
	đồng	đồng
Giá vốn của hàng hóa đã bán	-	-
Giá vốn của hợp đồng xây dựng	14.107.789.311	10.800.478.863

CÔNG TY CỔ PHẦN LILAMA - THÍ NGHIỆM CƠ ĐIỆN

Địa chỉ: 434-436 Nguyễn Trãi - Trung Văn - Từ Liêm- Hà Nội

Báo cáo tài chính

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2011 đến 30/6/2011

Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp		
Cộng	14.107.789.311	10.800.478.863
16 . DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH	Từ ngày 01/01/2011 đến 30/6/2011 đồng	Từ ngày 01/01/2010 đến 30/6/2010 đồng
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	22.071.986	35.164.678
Cộng	22.071.986	35.164.678
17 . CHI PHÍ TÀI CHÍNH	Từ ngày 01/01/2011 đến 30/6/2011 đồng	Từ ngày 01/01/2010 đến 30/6/2010 đồng
Lãi tiền vay	1.223.892.312	1.132.914.887
Cộng	1.223.892.312	1.132.914.887
18 . CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH		Từ ngày 01/01/2011 đến 30/6/2011
a. Lợi nhuận trước thuế từ ngày 30/6/2011		1.296.553.106
b. Các khoản điều chỉnh tăng (+), giảm (-) lợi nhuận tính thuế		17.335.352
- Tiền phạt chậm nộp BHXH		17.335.352
c. Lợi nhuận tính thuế TNDN (a)+(b)		1.313.888.458
d. Thuế TNDN (c)*25%		328.472.115

VII . NHỮNG THÔNG TIN KHÁC**1 -Thông tin về các bên liên quan**

Trong quá trình hoạt động kinh doanh, Công ty phát sinh các nghiệp vụ với Tổng Công ty lắp máy Việt Nam và các thành viên trong Tổng Công ty lắp máy Việt Nam.

Các nghiệp vụ chủ yếu như sau:

Các bên liên quan	Mối quan hệ	Nội dung nghiệp vụ	Giá trị giao dịch (VND)
1. Tổng Công ty Lắp máy Việt Nam	Công ty mẹ		
NM Nhiệt điện Vũng Áng		Doanh thu thực hiện	5.490.199.600
2. Các đơn vị thành viên thuộc Tổng Công ty Lắp máy Việt Nam			
Công ty CP Lilama 10	Thành viên	Doanh thu thực hiện	2.964.341.545
Công ty CP Lilama 454	Thành viên	Doanh thu thực hiện	669.794.500
Công ty CP Lilama 691	Thành viên	Doanh thu thực hiện	1.286.159.091
Công ty CP Lilama 5	Thành viên	Doanh thu thực hiện	2.889.330.795
Công ty CP Lilama 18	Thành viên	Doanh thu thực hiện	515.151.228
Các bên liên quan	Mối quan hệ	Nội dung nghiệp vụ	Giá trị
3. Tổng Công ty lắp máy Việt Nam	Công ty mẹ		

CÔNG TY CỔ PHẦN LILAMA - THÍ NGHIỆM CƠ ĐIỆN

Địa chỉ: 434-436 Nguyễn Trãi - Trung Văn - Từ Liêm- Hà Nội

Báo cáo tài chính

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2011 đến 30/6/2011

Chi phí hoạt động tài chính

Chi phí lãi vay

75.448.000

*** Cho đến ngày lập Báo cáo tài chính, các khoản chưa được thanh toán với các bên liên quan như sau:**

Các bên liên quan	Mối quan hệ	Khoản mục	Giá trị khoản phải thu (+) / phải trả (-)
Tổng Công ty Lắp máy Việt Nam	Công ty mẹ	Phải trả người bán	(3.124.003.849)
Công ty Cổ phần Lilama 10	Thành viên	Phải thu khách hàng	658.174.499
Công ty Cổ phần Lilama 5	Thành viên	Phải thu khách hàng	2.085.389.128
Công ty Cổ phần Lilama 45-1	Thành viên	Phải thu khách hàng	730.000.000
Công ty Cổ phần Lilama 45-4	Thành viên	Phải thu khách hàng	1.742.041.520
Công ty Cổ phần Lilama 3	Thành viên	Phải trả người bán	(1.049.682.724)
Công ty Cổ phần Lilama Hà Nội	Thành viên	Phải trả người bán	(630.000.000)
Công ty Cổ phần Lilama 691	Thành viên	Phải trả người bán	(51.700.000)
	Thành viên	Phải thu KL NT hoàn thành	493.174.577

2 Báo cáo bộ phận

Hiện tại hoạt động chính của Công ty là kinh doanh trong cùng một khu vực địa lý. Do đó, không có báo cáo bộ phận được trình bày.

3 Một số chỉ tiêu đánh giá khái quát thực trạng tài chính và kết quả kinh doanh của doanh nghiệp**1. Bố trí cơ cấu tài sản và cơ cấu nguồn vốn****1.1 Bố trí cơ cấu tài sản**

- Tài sản dài hạn/ Tổng tài sản	%	52%	51%
- Tài sản ngắn hạn/ Tổng tài sản	%	48%	49%

1.2. Bố trí cơ cấu vốn

- Nợ phải trả/ Tổng nguồn vốn	%	56%	58%
- Nguồn vốn CSH/ Tổng nguồn vốn	%	44%	42%

2. Khả năng thanh toán

2.1 Tổng tài sản/ Tổng nợ phải trả	Lần	1,79	1,73
2.2. Tổng tài sản LĐ và đầu tư ngắn hạn/ Tổng nợ ngắn hạn	Lần	0,90	0,97
2.3 Tổng tiền và các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn/ Tổng nợ ngắn hạn	Lần	0,04	0,01

3. Tỷ suất sinh lời**3.1. Lợi nhuận/ doanh thu**

- Lợi nhuận trước thuế/ Doanh thu thuần+TN hoạt động tài chính + thu nhập khác	%	6,72%	5,99%
- Lợi nhuận sau thuế/ Doanh thu thuần+TN hoạt động tài chính + thu nhập khác	%	5,02%	4,49%

CÔNG TY CỔ PHẦN LILAMA - THÍ NGHIỆM CƠ ĐIỆN

Địa chỉ: 434-436 Nguyễn Trãi - Trung Văn - Từ Liêm- Hà Nội

Báo cáo tài chính

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2011 đến 30/6/2011

3.2. Lợi nhuận/Tổng tài sản

- Lợi nhuận trước thuế/Tổng tài sản	%	2,87%	1,89%
- Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản	%	2,15%	1,42%
3.3. Lợi nhuận sau thuế/Nguồn vốn CSH	%	4,85%	3,35%

Số liệu so sánh

Số dư đầu kỳ trên Bảng cân đối kế toán được lấy theo số liệu trên Báo cáo tài chính kết thúc ngày 31/12/2010 được kiểm toán bởi Công ty TNHH Tư vấn kế toán và Kiểm toán Việt Nam (AVA). Số liệu so sánh trên Báo cáo Kết quả kinh doanh và Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ là theo số liệu tại Báo cáo tài chính ngày 30/6/2010 được cung cấp bởi công ty Cổ phần Lilama - Thí nghiệm Cơ điện.

Người lập biểu

**Lê Tuấn Anh**

Kế toán trưởng

**Vũ Thị Thúy Giang**

TP. Hà Nội, ngày 05 tháng 7 năm 2011

**Hoàng Minh Phương**

Phụ lục số 01: Tăng giảm tài sản cố định hữu hình

đơn vị tính: đồng

Khoản mục	Nhà cửa vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải	Thiết bị ĐCQL	Tài sản cố định khác	Cộng
Nguyên giá TSCĐ						
Số dư đầu kỳ	2.873.031.011	12.775.227.236	1.779.706.298	434.047.502	341.099.047	18.203.111.094
Số tăng trong kỳ	-	-	-	18.850.000	-	18.850.000
- Mua trong năm	-	-	-	18.850.000	-	18.850.000
- Đầu tư XDCB hoàn thành	-	-	-	-	-	-
- Tăng khác	-	-	-	-	-	-
Số giảm trong kỳ	-	150.515.573	-	-	-	150.515.573
- Thanh lý, nhượng bán	-	150.515.573	-	-	-	150.515.573
- Giảm khác	-	150.515.573	-	-	-	150.515.573
Số dư cuối kỳ	2.873.031.011	12.624.711.663	1.779.706.298	452.897.502	341.099.047	18.071.445.521
Giá trị hao mòn lũy kế						
Số dư đầu kỳ	682.620.187	9.190.061.610	1.059.833.169	382.547.972	335.508.441	11.650.571.379
Số tăng trong kỳ	81.136.827	777.425.482	111.528.360	26.565.918	5.590.606	1.002.247.193
- Khấu hao trong kỳ	81.136.827	777.425.482	111.528.360	26.565.918	5.590.606	1.002.247.193
- Tăng khác	-	-	-	-	-	-
Số giảm trong kỳ	-	102.820.958	-	-	-	102.820.958
- Thanh lý, nhượng bán	-	102.820.958	-	-	-	102.820.958
- Giảm khác	-	102.820.958	-	-	-	102.820.958
Số dư cuối kỳ	763.757.014	9.864.666.134	1.171.361.529	409.113.890	341.099.047	12.549.997.614
Giá trị còn lại						
Tại ngày đầu kỳ	2.190.410.824	3.585.165.626	719.873.129	51.499.530	5.590.606	6.552.539.715
Tại ngày cuối kỳ	2.109.273.997	2.760.045.529	608.344.769	43.783.612	-	5.521.447.907

Phụ lục số 02: Bảng đối chiếu biến động vốn chủ sở hữu

	Vốn góp	Thặng dư vốn cổ phần	Chênh lệch tỷ giá	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ dự phòng tài chính	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Tổng cộng
Số dư đầu năm trước	13.500.000.000	1.165.180.000	12.959.850	1.852.313.660	156.315.455	3.489.495.103	20.176.264.068
Tăng vốn trong năm trước	-	-	-	-	-	-	-
Lãi trong năm trước	-	-	-	-	-	2.491.989.882	2.491.989.882
Tăng khác	-	-	-	483.300.324	120.825.081	-	604.125.405
Giảm vốn trong năm trước	-	-	-	-	-	-	-
Lỗ trong năm trước	-	-	-	-	-	-	-
Giảm khác	-	-	12.959.850	-	-	2.398.275.567	2.411.235.417
Số dư cuối năm trước	13.500.000.000	1.165.180.000	-	2.335.613.984	277.140.536	3.583.209.418	20.861.143.938
Tăng vốn trong kỳ	-	-	-	-	-	968.080.991	968.080.991
Lãi trong kỳ	-	-	-	-	-	-	-
Tăng khác	-	-	-	498.397.976	124.599.494	-	622.997.470
Giảm vốn trong kỳ	-	-	-	-	-	-	-
Phân phối lợi nhuận (*)	-	-	-	-	-	2.492.196.458	2.492.196.458
Số dư cuối kỳ	13.500.000.000	1.165.180.000	-	2.834.011.960	401.740.030	2.059.093.951	19.960.025.941

Phân phối lợi nhuận theo Nghị quyết số 126/NQ-ĐHCD ngày 27/04/2011 của Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2011, cụ thể như sau:

Chi tiêu	Tỷ lệ	Năm 2010
Trích quỹ đầu tư phát triển	20%	498.397.976
Trích quỹ dự phòng tài chính	5%	124.599.494
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	10%	249.198.988
Chia cổ tức trên mệnh giá cổ phiếu	12%	1.620.000.000
Cộng		2.492.196.458